

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 12 năm 2022
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phầm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: SN 2244 Đại lộ H V, tổ 19, khu 3, phường V C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu Liên Đồng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Anh Lê Anh M, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: SN 2244 Đại lộ H V, tổ 19, khu 3, phường V C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Khu 3, phường V C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L, ông H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh M vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Thùy L trình bày: Chị và anh M kết hôn ngày 09/4/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường V C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc sau hai vợ chồng cùng xuất khẩu lao động đi Nhật. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách xây dựng làm ăn kinh tế sau đó Chị L về nước và cùng con về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn Thanh Sơn để sinh sống. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị ly hôn anh M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị L xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Lê Hồng K, sinh ngày 10/12/2015. Sau ly hôn, Chị L đề nghị cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Hải phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ.

Phía bị đơn: Anh Lê Anh M hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 21539/QLXNC-P5 ngày 18/10/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh M đã xuất cảnh ngày 08/9/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do Chị L không biết địa chỉ của anh M ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Lê Văn H (Là bố đẻ anh M) và được ông H cung cấp như sau: Hiện tại anh M đang ở Nhật Bản địa chỉ cụ thể ông không biết. Nhưng gia đình và anh M vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại Zalo, Facebook, ông H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh M và yêu cầu ông cung cấp địa chỉ của anh M ở nước ngoài, ông đã thông báo cho anh M biết xong anh M không cung cấp địa chỉ cho ông để cung cấp cho Tòa án. Thông qua điện thoại ông đã trao đổi nội dung Chị L xin ly hôn anh M và anh M nhất trí ly hôn theo yêu cầu của Chị L.

Về con chung: Ông H xác định Chị L và anh M có một con chung là Lê Hồng K, sinh ngày 10/12/2015. Anh M có quan điểm hiện anh đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu K được nên anh đồng ý cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của Chị L và anh M, ông H không có ý kiến.

Cháu Lê Hồng K có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 53, 56. Điều 81. 82, 83, 123 Luật HNGĐ năm 2014; ; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 479 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị TA xét xử:

Xử: Cho chị Trần Thị Thuý Linh được ly hôn anh Lê Anh M

- Về con chung: giao cháu Lê Hồng K cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị L không yêu cầu. Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở

-Về tài sản chung, công nợ, công sức không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Anh M đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường V C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số: 21539/QLXNC-P5 ngày 18/10/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an: anh Lê Anh M đã xuất cảnh ngày 08/9/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này anh M không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị L đề nghị xin ly hôn với anh M và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh M mà không cung cấp được địa chỉ anh M ở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của anh M là ông Lê Văn H (Bố đẻ anh M) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của anh M ở đâu tại nước ngoài, bản thân anh M không cung cấp địa chỉ mặc dù đã được ông H thông báo. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ

án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa Chị L, ông H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy L và anh Lê Anh M trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 09/4/2015 tại UBND phường V C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị L và anh M có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống không hợp nhau, anh M không chịu làm ăn không quan tâm chăm lo cuộc sống của vợ chồng. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Mặc dù anh M không có lời khai xong thông qua ông H là bố đẻ anh M cung cấp quan điểm của anh M cũng nhất trí ly hôn với Chị L. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa Chị L và anh M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Chị L được ly hôn anh M là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh M có 01 con chung là cháu Lê Hồng K, sinh ngày 10/12/2015. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Khánh, chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Xét thấy: Nguyện vọng của Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu K hiện đang ở cùng chị và cũng có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Qua trình bày của ông H là bố đẻ của anh M thấy rằng anh M cũng nhất trí cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay anh Hải đang không có mặt ở địa phương. Vì vậy việc Chị L đề nghị giao con chung là cháu Lê Hồng K cho Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng do Chị L không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cần được xác nhận.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 81, 82, 83 và điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Thị Thùy L được ly hôn anh Lê Anh M.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thùy L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Hồng K, sinh ngày 10/12/2015.

Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị L do Chị L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000315 ngày 07/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Trần Thị Thùy L, ông Lê Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Anh Lê Anh M có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND phường V C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Hương